

DANH SÁCH 318 HỘ GIA ĐÌNH CỦA TỔ 29
ĐƯỢC TẶNG DANH HIỆU “GIA ĐÌNH VĂN HÓA” NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Chủ tịch UBND phường)

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
1.	Bùi Hữu Phúc	
2.	Bùi Minh Tài	
3.	Bùi Minh Tú	
4.	Bùi Vạn Khoa	
5.	Cao Trung Thông	
6.	Cao Văn Bảo	
7.	Đặng Minh Nghĩa	
8.	Đặng Thanh Chinh	
9.	Đặng Thanh Thu	
10.	Đinh Duy Cận	
11.	Đinh Thanh Hường	
12.	Đỗ Văn Thắng	
13.	Đoàn Thế Long	
14.	Đoàn Thị Lang	
15.	Dương Thị Xí	
16.	Dương Văn Sơn	
17.	Hồ Bùi Thế Anh	
18.	Hồ Đồng	
19.	Hồ Duy Khương	
20.	Hồ Hữu Huyền	
21.	Hồ Khuây	
22.	Hồ Lai	
23.	Hồ Lan Nhi	
24.	Hồ Minh Đức	
25.	Hồ Nguyên Thuật	
26.	Hồ Quang	
27.	Hồ Tấn Khải	
28.	Hồ Thị Ái Thịnh	
29.	Hồ Thị Ái Thuỳ	
30.	Hồ Thị Công	
31.	Hồ Thị Giang	
32.	Hồ Thị Mẫn	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
33.	Hồ Thị Phương	
34.	Hồ Thị Phương Tài	
35.	Hồ Thị Sở	
36.	Hồ Thị Thanh	
37.	Hồ Thị Thảo Vị	
38.	Hồ Thị Thuý Hà	
39.	Hồ Thị Tĩnh	
40.	Hồ Thị Trung	
41.	Hồ Thiết	
42.	Hồ Thịnh	
43.	Hồ Tựu	
44.	Hồ Văn Đỡ	
45.	Hồ Văn Huê	
46.	Hồ Văn Huy	
47.	Hồ Văn Khá	
48.	Hồ Văn Lực	
49.	Hồ Văn Mai	
50.	Hồ Văn Nông	
51.	Hồ Văn Sóc	
52.	Hồ Văn Sơn	
53.	Hồ Văn Vinh	
54.	Huỳnh Thị Mỹ Hiếu	
55.	Huỳnh Thị Trà	
56.	Huỳnh Văn Lang	
57.	Huỳnh Văn Thạch	
58.	Kiều Chinh	
59.	Kiều Đềm	
60.	Kiều Đủ	
61.	Kiều Lắng	
62.	Kiều Nghiêm	
63.	Kiều Tám	
64.	Kiều Thanh An	
65.	Kiều Thanh Nương	
66.	Kiều Thị Bảy	
67.	Kiều Thị Beo	
68.	Kiều Thị Nổi	
69.	Lê Ngọc Nghiêm	
70.	Lê Thị Hương	
71.	Lê Thị Huyền	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
72.	Lê Thị Kim Thanh	
73.	Lê Thị Loan Anh	
74.	Lê Thị Thu Tâm	
75.	Lê Thị Thu Thủy	
76.	Lê Thị Yến	
77.	Lê Trọng Khánh	
78.	Lê Trọng Mẫn	
79.	Lê Trọng Nguyễn	
80.	Lê Trọng Phước	
81.	Lê Trọng Toàn	
82.	Lê Văn Thương	
83.	Lương Công Tài	
84.	Lương Tấn Vinh	
85.	Lưu Hải Phong	
86.	Lưu Hải Phước	
87.	Lưu Nghè	
88.	Lưu Ngọc Tuấn	
89.	Lưu Thanh Sơn	
90.	Lưu Thị Đành	
91.	Lưu Thị Kim Phượng	
92.	Lưu Thị Thu Lan	
93.	Lưu Văn Hùng	
94.	Lưu Văn Quá	
95.	Mai Ngọc Tuyền	
96.	Mai Quốc Việt	
97.	Mai Thị Bé	
98.	Mai Thị Kim Chi	
99.	Mai Thị Phường	
100.	Mai Văn An	
101.	Mai Văn Cư	
102.	Mai Văn On	
103.	Mai Văn Tiên	
104.	Mai Văn Triêm	
105.	Ngô Thị Hải	
106.	Ngô Văn Luật	
107.	Nguyễn Anh Truyền	
108.	Nguyễn Bá Xông	
109.	Nguyễn Bình Hưng	
110.	Nguyễn Cao Cường	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
111.	Nguyễn Cao Thạch	
112.	Nguyễn Đại	
113.	Nguyễn Đảm	
114.	Nguyễn Đăng Dung	
115.	Nguyễn Đình Tuyên	
116.	Nguyễn Đức Châu	
117.	Nguyễn Dũng (<i>Lưu TThu Thủy</i>)	
118.	Nguyễn Dũng (<i>Trương T Hạnh</i>)	
119.	Nguyễn Duy Hưng	
120.	Nguyễn Duy Ra	
121.	Nguyễn Gìn	
122.	Nguyễn Hồng Quân	
123.	Nguyễn Hồng Tâm	
124.	Nguyễn Hùng	
125.	Nguyễn Hữu Á	
126.	Nguyễn Hữu Danh	
127.	Nguyễn Hữu Ngọc	
128.	Nguyễn Hữu Thạch	
129.	Nguyễn Hữu Thịnh	
130.	Nguyễn Huỳnh Trung	
131.	Nguyễn Lập	
132.	Nguyễn Lê Thiên Lạc	
133.	Nguyễn Luân	
134.	Nguyễn Lý Bá Minh	
135.	Nguyễn Minh Thư	
136.	Nguyễn Mọi	
137.	Nguyễn Nhất Duy	
138.	Nguyễn Nhiệm	
139.	Nguyễn Phi Hùng	
140.	Nguyễn Phi Vũ	
141.	Nguyễn Phước	
142.	Nguyễn Phương	
143.	Nguyễn Quang Hải	
144.	Nguyễn Sơ	
145.	Nguyễn Tấn Huy	
146.	Nguyễn Tấn Lai	
147.	Nguyễn Thành Chung	
148.	Nguyễn Thành Đạt	
149.	Nguyễn Thành Nam	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
150.	Nguyễn Thành Quy	
151.	Nguyễn Thế Cần	
152.	Nguyễn Thị Bé Nhi	
153.	Nguyễn Thị Chiến	
154.	Nguyễn Thị Có	
155.	Nguyễn Thị Diện	
156.	Nguyễn Thị Dục	
157.	Nguyễn Thị Dưỡng	
158.	Nguyễn Thị Giới	
159.	Nguyễn Thị Hoàng Vân	
160.	Nguyễn Thị Hồng (<i>Lưu Văn On</i>)	
161.	Nguyễn Thị Hồng (<i>Võ Th Thới</i>)	
162.	Nguyễn Thị Kia	
163.	Nguyễn Thị Lài	
164.	Nguyễn Thị Lan	
165.	Nguyễn Thị Lạt	
166.	Nguyễn Thị Lê Na	
167.	Nguyễn Thị Minh	
168.	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	
169.	Nguyễn Thị Mỹ Linh	
170.	Nguyễn Thị Phượng	
171.	Nguyễn Thị Quỳnh	
172.	Nguyễn Thị Tánh	
173.	Nguyễn Thị Thanh	
174.	Nguyễn Thị Thanh Bình	
175.	Nguyễn Thị Thanh Thuý	
176.	Nguyễn Thị Thiện	
177.	Nguyễn Thị Tiến	
178.	Nguyễn Thị Việt	
179.	Nguyễn Thúc	
180.	Nguyễn Thuỳ	
181.	Nguyễn Tích	
182.	Nguyễn Tín	
183.	Nguyễn Trí	
184.	Nguyễn Văn Đoàn	
185.	Nguyễn Văn Dũng (<i>H Nguyệt</i>)	
186.	Nguyễn Văn Dũng (<i>Mỹ Thu</i>)	
187.	Nguyễn Văn Hùng	
188.	Nguyễn Văn Mạnh	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
189.	Nguyễn Văn Quang	
190.	Nguyễn Văn Tài	
191.	Nguyễn Xuân	
192.	Nguyễn Xuân Thạch	
193.	Phạm Công Hậu	
194.	Phạm Thị Anh Thư	
195.	Phạm Thị Bảy	
196.	Phạm Thị Hồng Nhung	
197.	Phạm Viết Ất	
198.	Phạm Viết Danh	
199.	Phạm Viết Giám	
200.	Phạm Viết Mai	
201.	Phạm Viết Nở	
202.	Phạm Viết Phương	
203.	Phạm Viết Thành	
204.	Phan Ngọc Lý A	
205.	Phùng Đức Lợi	
206.	Tạ Anh Thuỳ	
207.	Tạ Bồn	
208.	Tạ Công Chi	
209.	Tạ Công Dũng	
210.	Tạ Công Hội	
211.	Tạ Công Huy	
212.	Tạ Công Phong	
213.	Tạ Công Sinh	
214.	Tạ Công Thành	
215.	Tạ Diễn	
216.	Tạ Diệp Anh	
217.	Tạ Diệp Em	
218.	Tạ Đình Công	
219.	Tạ Đình Cung	
220.	Tạ Đình Khánh	
221.	Tạ Đình Ngoan	
222.	Tạ Đồng Văn	
223.	Tạ Dũng	
224.	Tạ Hùng	
225.	Tạ Huy Dục	
226.	Tạ Minh Hoàng	
227.	Tạ Phan Diễm Ca	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
228.	Tạ Thanh Tuấn	
229.	Tạ Thị Dung	
230.	Tạ Thị Huệ	
231.	Tạ Thị Minh Thư	
232.	Tạ Thị Nguyên	
233.	Tạ Thị Phương	
234.	Tạ Thị Thái Thảo	
235.	Tạ Thị Thúy Hiền	
236.	Tạ Thị Vi	
237.	Tạ Trọng Nghĩa	
238.	Tạ Tùng Thịnh	
239.	Tạ Tùng Thời	
240.	Tạ Văn Đào	
241.	Tạ Văn Kính	
242.	Tạ Văn Linh	
243.	Trần Anh Tuấn	
244.	Trần Bá Quang	
245.	Trần Bấy	
246.	Trần Đình Lân	
247.	Trần Đình Linh	
248.	Trần Đông Anh	
249.	Trần Hoàng Ninh	
250.	Trần Khương Non	
251.	Trần Lê Nguyên Khanh	
252.	Trần Quảng	
253.	Trần Thị Bích Phương	
254.	Trần Thị Công Tâm	
255.	Trần Thị Cúc	
256.	Trần Thị Minh Ba	
257.	Trần Thị Nhung Hoa	
258.	Trần Thị Phi	
259.	Trần Thị Phượng	
260.	Trần Thị Tâm	
261.	Trần Thị Thanh Nga	
262.	Trần Thị Thu	
263.	Trần Thị Trinh	
264.	Trần Thị Vân	
265.	Trần Trung Điền	
266.	Trần Trung Đua	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
267.	Trần Trung Tòng	
268.	Trần Trung Tuấn	
269.	Trần Văn Cường	
270.	Trần Văn Định	
271.	Trần Văn Hân	
272.	Trần Văn Hanh	
273.	Trần Văn Hoàng	
274.	Trần Văn Huê	
275.	Trần Văn Một	
276.	Trần Văn Ngôn	
277.	Trần Văn Nhân	
278.	Trần Văn Ninh	
279.	Trần Văn Tênh	
280.	Trần Văn Thanh	
281.	Trần Văn Thọ	
282.	Trần Văn Tường	
283.	Trần Văn Vũ	
284.	Trần Văn Yên	
285.	Trần Vương Quyết	
286.	Trần Vương Quỳnh Châu	
287.	Trần Vương Quỳnh Chi	
288.	Trần Xuân Hoàng	
289.	Trương Kỳ Mai Hôn	
290.	Từ Thị Kim Anh	
291.	Từ Thị Vui	
292.	Võ Nhu	
293.	Võ Tạ Anh Tài	
294.	Võ Tấn Duy	
295.	Võ Thành Đơ	
296.	Võ Thành Đông	
297.	Võ Thành Hùng	
298.	Võ Thành Thắng	
299.	Võ Thành Thương	
300.	Võ Thế Minh	
301.	Võ Thị Điệp	
302.	Võ Thị Hội	
303.	Võ Thị Hôn	
304.	Võ Thị Mỹ Dung	
305.	Võ Thị Thu Loan	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
306.	Võ Thị Xuân	
307.	Võ Văn An	
308.	Võ Văn Hải	
309.	Võ Văn Thuận	
310.	Võ Văn Trung	
311.	Võ Việt Dũng	
312.	Vũ Quốc Đạt	
313.	Vy Lê	
314.	Vy Ngọc Sơn	
315.	Vy Thanh	
316.	Vy Thị Dung	
317.	Vy Thị Lệ	
318.	Vy Thị Nga	